

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
KHOA QUẢN LÝ KINH DOANH



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ NGÀNH: 8340101

Hà Nội, 2021



MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	1
3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM	4
4. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	5
5. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY.....	6
6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	9
7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	11
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	12
9. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	21
10. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	26
PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	27

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Năm ban hành: 2021

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (tiếng Việt):	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Tên chương trình (tiếng Anh):	Master of Business Administration
Mã ngành:	8340101
Đơn vị cấp bằng cấp bằng:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	Thạc sĩ QTKD
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Thời gian đào tạo:	2,0 năm
Định hướng đào tạo	Ứng dụng
Đơn vị giảng dạy:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Đơn vị quản lý CTĐT:	Khoa Quản lý kinh doanh

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Đơn vị QTKD, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

2.1.1 Tầm nhìn

Trở thành đại học đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng đa năng, phát triển theo mô hình đại học thông minh; đạt chuẩn quốc tế trong một số lĩnh vực then chốt; là sự lựa chọn hàng đầu của người học, cộng đồng và doanh nghiệp.

2.1.2 Sứ mạng

Đào tạo nhân lực chất lượng cao; sáng tạo và chuyển giao tri thức, công nghệ tới xã hội và cộng đồng đáp ứng yêu cầu thời kỳ cách mạng công nghiệp, phục vụ xã hội và đất nước.

2.1.3 Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu chung:

Trở thành đại học khoa học ứng dụng hàng đầu Việt Nam, theo mô hình tự chủ toàn diện, đi đầu trong xu thế chuyển đổi số và quản trị thông minh. Sản phẩm giáo dục đào tạo nằm trong top đầu Việt Nam về khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, được ghi nhận về năng lực sáng tạo và khởi nghiệp; Sản phẩm khoa học công nghệ được công nhận và ứng dụng rộng rãi trong nước, một số lĩnh vực đạt tầm khu vực và quốc tế;

Mục tiêu cụ thể từng lĩnh vực:

a. Đào tạo

Phát triển và vận hành các CTĐT đạt chuẩn quốc gia và quốc tế. Mở mới các chương trình đào tạo đại học, sau đại học đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Đổi mới phương thức tổ chức đào tạo, ứng dụng công nghệ giáo dục mới; Hình thành môi trường học tập mở, sáng tạo và trải nghiệm.

b. Khoa học công nghệ

Đổi mới nghiên cứu và sáng tạo theo hướng hội nhập và đa dạng các loại hình, lĩnh vực khoa học công nghệ; Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Triển khai có hiệu quả các hoạt động sở hữu trí tuệ và bảo hộ kết quả nghiên cứu. Gắn nghiên cứu khoa học với chuyển giao công nghệ và nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học. Nâng tỉ lệ doanh thu từ các hoạt động khoa học công nghệ trong tổng doanh thu toàn trường.

c. Hợp tác phát triển

Thiết lập mối quan hệ đa dạng, cùng có lợi với các trường đại học, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật quốc tế và tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm đào tạo và nghiên cứu. Khai thác có hiệu quả các nguồn lực thông qua các hoạt động hợp tác cùng phát triển.

d. Người học và kết nối cộng đồng

Phát triển năng lực toàn diện của người học thông qua việc hình thành môi trường học tập, sinh hoạt, rèn luyện mang tính mở, năng động và sáng tạo. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học. Mở rộng mạng lưới, khai thác có hiệu quả đóng góp từ đội ngũ cựu người học. Nâng cao vị thế và uy tín, ảnh hưởng của nhà trường qua các hoạt động gắn kết và phục vụ cộng đồng.

e. Tài chính – cơ sở vật chất

Xây dựng hệ thống tài chính vững mạnh đảm bảo sự phát triển bền vững và tự chủ của nhà trường với nguồn thu đa dạng và ổn định; Khai thác và sử dụng nguồn tài chính hợp lý, hiệu quả. Hình thành cơ sở hạ tầng và môi trường giáo dục hiện đại, sáng tạo phù hợp với hệ sinh thái đại học thông minh; Đầu tư và khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học;

f. Quản trị nhà trường và nguồn nhân lực

Xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với cơ chế tự chủ toàn diện và mô hình đại học hiện đại; Thiết lập và vận hành hệ thống quản trị nhà trường tiên tiến đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; Phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng đáp ứng các yêu cầu. Hình thành đội ngũ giảng viên, chuyên gia làm chủ và bước đầu ở vị thế dẫn dắt trong một số lĩnh vực công nghệ hiện đại, có khả năng giảng dạy và nghiên cứu trong môi trường quốc tế.

g. Đảm bảo chất lượng và chuyển đổi số

Nhà trường và các chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định quốc gia và quốc tế, từng bước nâng cao vị trí trong các bảng xếp hạng đại học; Hoàn thiện hệ thống Đại học điện tử, từng bước hình thành hệ thống Đại học thông minh.

h. Văn hóa và Thương hiệu

Phát triển văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội trên cơ sở phát huy truyền thống, tiếp thu, sáng tạo các giá trị văn hóa trong quá trình hội nhập. Nâng cao khả năng nhận diện thương hiệu và các sản phẩm của nhà trường đối với cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động truyền thông hiện đại.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chiến lược phát triển của Khoa Quản lý kinh doanh

2.2.1. Tầm nhìn

Khoa Quản lý kinh doanh trở thành đơn vị hàng đầu tại Việt Nam về đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý. Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực có trình độ Đại học và Sau Đại học đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế.

2.2.2. Sứ mạng

Khoa Quản lý kinh doanh là đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý. Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực có trình độ Đại học và Sau Đại học đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế.

2.2.3. Quan điểm phát triển

- Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển;

- Đào tạo và nghiên cứu khoa học chú trọng tính ứng dụng, đáp ứng thiết thực nhu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế.

2.2.4. Mục tiêu của chương trình

CTĐT ngành QTKD được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

2.2.4.1. Mục tiêu chung

CTĐT thạc sỹ Quản trị kinh doanh đảm bảo tính quốc tế, đồng thời chú trọng vào điều kiện cụ thể của nền kinh tế Việt Nam. Chương trình cung cấp những kiến thức nâng cao, cập nhật về hoạch định chiến lược kinh doanh, quản trị các nguồn lực trong doanh nghiệp, xây dựng và phát triển mối quan hệ với khách hàng nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững cho tổ chức, doanh nghiệp. Học viên tốt nghiệp chương trình có: đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; Mức độ tự chủ và trách nhiệm hợp tác với đồng nghiệp; ý thức tôn trọng pháp luật, các quy tắc nơi làm việc; đưa ra được các quyết định lãnh đạo, quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa.

2.2.4.2. Mục tiêu cụ thể

+ Kiến thức

Có kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh như hoạch định chiến lược kinh doanh, quản trị nguồn nhân lực, quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị tài chính, quản trị thương hiệu, quản trị chuỗi cung ứng, kinh doanh quốc tế.

+ Kỹ năng

Có kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm để hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo của một nhà quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa.

+ Thái độ

Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; thái độ hợp tác với đồng nghiệp, ý thức tôn trọng pháp luật, các quy tắc nơi làm việc.

+ Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng định hướng, dẫn dắt, thích nghi và tư vấn phù hợp với môi trường nghề nghiệp thay đổi.

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Học viên tốt nghiệp có thể:

(i) đảm nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý cấp cao, cấp trung gian trong các tổ chức, doanh nghiệp;

(ii) khả năng khởi nghiệp, tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân;

(iii) nghiên cứu viên, giảng viên của các trường đại học và viện nghiên cứu.

4. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

4.1. Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh:

Theo quy chế tuyển sinh thạc sĩ của Bộ GD&ĐT, quy chế tuyển sinh thạc sĩ của trường ĐHCNHN cập nhật tại <https://cps.hau.edu.vn/vn>.

- Đối tượng tuyển sinh:

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- Phương thức tuyển sinh:

Phương thức tuyển sinh cho từng năm tuyển sinh do Trường quyết định, bao gồm xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

4.2. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để học viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

- CTĐT thạc sĩ định hướng ứng dụng gồm 60 tín chỉ đối với người có trình độ thuộc ngành phù hợp.

- Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo.

- Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ: 2,0 năm (24 tháng) tính từ thời điểm công nhận học viên, gồm 04 học kỳ.

- Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học được quy định trong Quy chế này và không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

4.4. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp như sau:

4.4.1. Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu;

Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của CTĐT trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục & Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

4.4.2. Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Nhà trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

5. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Tính đến năm 2021, Khoa QLKD bao gồm 6 bộ môn: Bộ môn QTKD, Bộ môn Tài chính, Bộ môn Quản trị Marketing, Bộ môn Quản trị nhân lực, Bộ môn Kinh tế đầu tư, Kinh tế cơ sở. Khoa Quản lý kinh doanh có 66 giảng viên và 05 chuyên viên, trong đó có 30 tiến sĩ (42.3%), 41 thạc sĩ (57.7%). Độ tuổi trung bình của cán bộ, giảng viên nằm trong khoảng 30 – 45 tuổi. Trong đó, tham gia giảng dạy CTĐT Thạc sĩ QTKD gồm 16 giảng viên (bao gồm cả giảng viên phụ trách học phần chung)

Bảng 2. Thống kê đội ngũ giảng viên của Đơn vị QTKD năm 2021

stt	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30 – 40	41– 50	51 – 60	>60
1	Giáo sư/Phó giáo sư	1		0	1			1		
2	Tiến sĩ	15		11	4		5	10		
3	Thạc sĩ	0								
4	Đại học	0								
	Tổng số	16		11	5		5	11		

Bảng 3. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện CTĐT

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Thị Hồng Nga, 1979	Phó Giáo sư - 2015, Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	Kinh tế	- Phương pháp nghiên cứu khoa học - Luận văn tốt nghiệp
2	Thân Thanh Sơn, 1974	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Quản trị kinh doanh	- Quản trị nhân lực - Luận văn tốt nghiệp
3	Vũ Đình Khoa, 1980	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh tế	- Quản trị dự án - Lượng hóa quản trị sản xuất - Luận văn tốt nghiệp
4	Nguyễn Thị Nguyệt Dung, 1981	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Tài chính – Ngân hàng	- Quản trị tài chính doanh nghiệp - Thị trường tài chính và định chế tài chính - Luận văn tốt nghiệp
5	Trần Quang Thắng, 1971	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	- Kỹ năng lãnh đạo - Tinh thần doanh nhân - Luận văn tốt nghiệp
6	Nguyễn Thị Mai Anh, 1988	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2019	Quản trị kinh doanh	- Lý thuyết quản trị kinh doanh - Quản trị chuỗi cung ứng - Luận văn tốt nghiệp
7	Nguyễn Hoàng Nam, 1973	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2019	Kinh tế phát triển	- Phương pháp nghiên cứu khoa học - Kinh tế học ứng dụng
8	Ngô Văn Quang, 1984	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2019	Quản trị kinh doanh	- Thương mại điện tử - Quản trị thương hiệu
9	Nguyễn Hữu Cung, 1978	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2014	Quản trị kinh doanh	- Thị trường tài chính và định chế tài chính; - Luận văn tốt nghiệp
10	Lê Đức Thủy, 1982	Tiến sĩ, Pháp, 2013	Khoa học quản lý	- Hành vi tổ chức - Quản trị nhân lực - Luận văn tốt nghiệp
11	Bùi Thị Thu Loan, 1977	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Tài chính – Ngân hàng	- Quản trị tài chính doanh nghiệp - Thị trường tài chính và định chế tài chính - Luận văn tốt nghiệp
12	Lê Ba Phong, 1978	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2018	Quản trị kinh doanh	- Kỹ năng lãnh đạo - Tinh thần doanh nhân - Luận văn tốt nghiệp

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
13	Đỗ Hải Hưng, 1988	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2016	Kinh tế	- Quản lý công nghệ - Đấu thầu - Luận văn tốt nghiệp
14	Hà Thành Công, 1979	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2017	Kinh tế	- Phương pháp nghiên cứu khoa học; - Kinh tế học ứng dụng - Luận văn tốt nghiệp
15	Trần Ánh Phương, 1984	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế	- Kinh doanh quốc tế - Hành vi tổ chức - Quan hệ công chúng
16	Nguyễn Mạnh Cường, 1980	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế	- Quản trị dự án - Lượng hóa quản trị sản xuất - Luận văn tốt nghiệp

Khoa Quản lý kinh doanh hiện tại đang quản lý 03 phòng thực hành chuyên ngành phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và học viên. Các phòng thí nghiệm và thiết bị được phân công quản lý bởi các bộ môn Quản trị kinh doanh, Quản trị Marketing, Quản trị nhân lực.

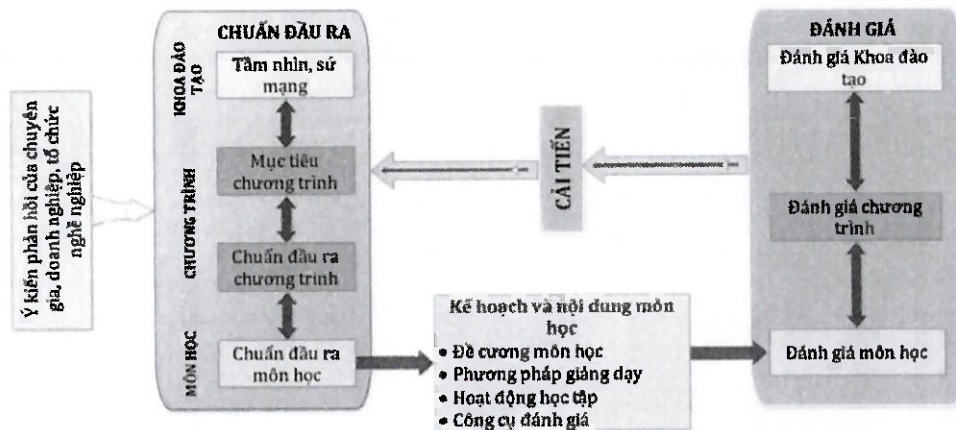
Bảng 1: Danh sách các phòng thực hành/thí nghiệm phục vụ các học phần của CTĐT

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
		Tên thiết bị, nước, năm sản xuất	Số lượng	Phục vụ môn học/học phần
1	Phòng thực hành mô phỏng doanh nghiệp (714, 715 - A10)	- Máy tính, kết nối internet, trang thiết bị mô phỏng doanh nghiệp. - Phần mềm quản lý doanh nghiệp ERP	45	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao; Phân tích dữ liệu cho nhà quản lý; Quản lý dự án nâng cao; Tài chính cho nhà quản lý;
2	Phòng thực hành máy tính (703 - A10)	- Máy tính, kết nối internet. - Phần mềm quản lý doanh nghiệp ERP	42	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao; Phân tích dữ liệu cho nhà quản lý; Quản lý dự án nâng cao; Tài chính cho nhà quản lý;
3	Phòng thực hành máy tính (704 - A10)	- Máy tính, kết nối internet. - Phần mềm quản lý doanh nghiệp ERP	42	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao; Phân tích dữ liệu cho nhà quản lý;

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
		Tên thiết bị, nước, năm sản xuất	Số lượng	Phục vụ môn học/học phần
				Quản lý dự án nâng cao; Tài chính cho nhà quản lý;

6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa Quản lý kinh doanh tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.



Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Đơn vị QTKD

6.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy CTĐT ngành Quản trị kinh doanh được trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin học phần mà mình đang giảng dạy (học phần có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc hay tự chọn);
- Nắm rõ hình thức, phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp);
- Hiểu rõ lớp học phần (Danh sách học viên, lớp, khóa đào tạo);
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Các phương pháp dạy học được sử dụng chủ yếu: Thuyết giảng, Thảo luận, nghiên cứu tình huống, động não, kế hoạch nghiên cứu.

- Các chiến lược dạy học được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.

- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như Bảng 5.

Bảng 5. Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các môn học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thực tế doanh nghiệp	Mô phỏng; Thực địa
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các môn học của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân; Kế hoạch nghiên cứu

6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- CTĐT được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;

- Có nhiều hình thức hỗ trợ học viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một người quản lý và quản trị hoạt động;

- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của học viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV;

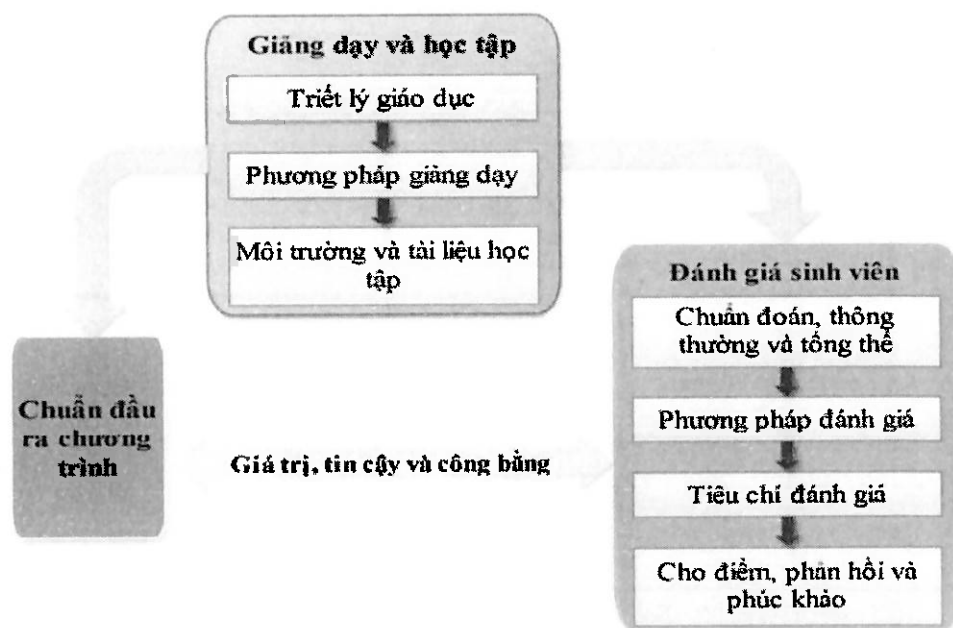
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp;

- Khuyến khích học viên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, công bố khoa học nhằm nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu.

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

7.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá học viên dựa trên chuẩn đầu ra cấp học phần (Li,j), chuẩn đầu ra cấp học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra cấp CTĐT i,j,k. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá học viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát học viên về học phần giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics học phần. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, học viên được thực hiện theo quy trình (Hình 2).



Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá học viên

7.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Cấu trúc CTĐT đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. CTĐT bố trí các học phần từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời CTĐT cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung CTĐT bao gồm các khối kiến thức chung, cơ sở, chuyên ngành và tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc.

8.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy 60 tín chỉ

Bảng 6. Tổng số tín chỉ

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ				Tỷ lệ (%)
		LT	TH/TN	Thảo luận	TT/ĐA	
Kiến thức Giáo dục đại cương	5	3	2	0	0	8.3
Kiến thức Cơ sở ngành	13	11	2	0	0	21.7
Kiến thức Chuyên ngành	17	9	8	0	0	28.3
Kiến thức Tốt nghiệp	25	0	0	0	25	41.7
Tổng cộng	60	23	12	0	25	100

8.2. Nội dung chương trình

Bảng 7. Nội dung chương trình đào tạo

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng Số	Lý, thuyết	TH/TL
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			5	3	2
1	LP	7101	Triết học	3	2	1
	BM	7109	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			13	11	2
2.1	Các học phần cơ sở bắt buộc			5	4	1
1	BM	7104	Kinh tế học ứng dụng	3	3	0
2	BM	7108	Lý thuyết quản trị kinh doanh	2	1	1
2.2	<i>Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 8 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			8	7	1
2.2.1	<i>Nhóm cơ sở tự chọn A (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			6	6	0
1	BM	7103	Kinh doanh quốc tế	3	3	0
2	BM	7114	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	0

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng Số	Lý, thuyết	TH/ TL
3	BM	7121	Thị trường tài chính và định chế tài chính	3	3	0
4	BM	7111	Quản lý công nghệ	3	3	0
2.2.2	Nhóm cơ sở tự chọn B (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)			2	1	1
1	BM	7102	Hành vi tổ chức	2	1	1
2	BM	7123	Văn hóa trong kinh doanh	2	1	1
3	BM	7110	Quan hệ công chúng	2	1	1
4	LP	7102	Pháp luật về kinh doanh.	2	1	1
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			17	9	8
3.1	Các học phần chuyên ngành bắt buộc			11	6	5
1	BM	7113	Quản trị chiến lược	2	1	1
2	BM	7116	Quản trị nhân lực	3	2	1
3	BM	7118	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	1	1
4	BM	7119	Quản trị thương hiệu	2	1	1
5	BM	7105	Kỹ năng lãnh đạo	2	1	1
3.2	Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 9 tín chỉ trong các học phần sau)			6	3	3
1	BM	7101	Đấu thầu	2	1	1
2	BM	7117	Quản trị rủi ro	2	1	1
3	BM	7107	Lượng hóa quản trị sản xuất	2	1	1
4	BM	7122	Thương mại điện tử	2	1	1
5	BM	7115	Quản trị dự án	2	1	1
6	BM	7120	Tinh thần doanh nhân	2	1	1

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng Số	Lý, thuyết	TH/TL
7	BM	7112	Quản trị chất lượng	2	1	1
IV	PHẦN THỰC TẬP VÀ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP			25	0	25
1	BM	7324	Thực tập	10	0	10
2	BM	7106	Đề án tốt nghiệp	15	0	15
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)				60	30	30

8.3. Sơ đồ tiến trình đào tạo

Bảng 8. Tiến trình đào tạo theo học kỳ

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số		I	II	III	IV
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG						
1	LP	7101	Triết học	x			
	BM	7109	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x			
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ						
2.1	Các học phần cơ sở bắt buộc						
1	BM	7104	Kinh tế học ứng dụng	x			
2	BM	7108	Lý thuyết quản trị kinh doanh	x			
2.2	<i>Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 8 tín chỉ trong các học phần sau)</i>						
2.2.1	<i>Nhóm cơ sở tự chọn A (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)</i>						
1	BM	7103	Kinh doanh quốc tế		x		
2	BM	7114	Quản trị chuỗi cung ứng		x		
3	BM	7121	Thị trường tài chính và định chế tài chính		x		

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số		I	II	III	IV
4	BM	7111	Quản lý công nghệ		x		
2.2.2	<i>Nhóm cơ sở tự chọn B (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>						
1	BM	7102	Hành vi tổ chức		x		
2	BM	7123	Văn hóa trong kinh doanh		x		
3	BM	7110	Quan hệ công chúng		x		
4	LP	7102	Pháp luật về kinh doanh.		x		
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH						
3.1	Các học phần chuyên ngành bắt buộc						
1	BM	7113	Quản trị chiến lược		x		
2	BM	7116	Quản trị nhân lực		x		
3	BM	7118	Quản trị tài chính doanh nghiệp	x			
4	BM	7119	Quản trị thương hiệu			x	
5	BM	7105	Kỹ năng lãnh đạo			x	
3.2	Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 9 tín chỉ trong các học phần sau)						
1	BM	7101	Đấu thầu			x	
2	BM	7117	Quản trị rủi ro			x	
3	BM	7107	Lượng hóa quản trị sản xuất			x	
4	BM	7122	Thương mại điện tử			x	
5	BM	7115	Quản trị dự án			x	
6	BM	7120	Tinh thần doanh nhân			x	
7	BM	7112	Quản trị chất lượng			x	
IV	PHẦN THỰC TẬP VÀ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP						

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số		I	II	III	IV
1	BM	7124	Thực tập				x
2	BM	7125	Luận văn tốt nghiệp				x

8.4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

8.4.1. Triết học

Học phần cung cấp cho các học viên cao học những quan điểm, lý luận triết học trong lịch sử nhân loại, trong đó trọng tâm là lý luận triết học Mác - Lênin về các vấn đề: Khái luận chung về triết học, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, triết học về con người. Trên cơ sở đó, cung cấp cho người học thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để lý giải và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn cuộc sống (của mỗi con người, của dân tộc và thời đại) đang đặt ra.

8.4.2. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh thuộc khối kiến thức chung cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, vai trò của nghiên cứu khoa học đối với đời sống kinh tế xã hội, các bước tiến hành một nghiên cứu khoa học và các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, học phần còn cung cấp một số kiến thức cơ bản trong nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng trong đời sống kinh tế xã hội nói chung và trong ngành quản trị kinh doanh nói riêng.

8.4.3. Kinh tế học ứng dụng

Thuộc khối kiến thức chung, học phần kinh tế học ứng dụng cung cấp những kiến thức lý thuyết từ cơ bản đến nâng cao về thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố sản xuất, độc quyền, tăng trưởng - phát triển kinh tế, chính sách kinh tế vĩ mô, nguyên tắc ra quyết định của nhà quản trị, nhà hoạch định chính sách và cách thức vận dụng chúng trong đời sống thực tế.

8.4.4. Lý thuyết quản trị kinh doanh

Học phần nghiên cứu lý thuyết quản trị đang được sử dụng rộng rãi trên thế giới như: Lý thuyết quyết định, lý thuyết về hành động hợp lý, lý thuyết nguồn lực và một số lý thuyết quản trị kinh doanh khác. Nội dung các lý thuyết này là cơ sở nền tảng để nghiên cứu các học phần chuyên sâu và giải thích các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

8.4.5. Kinh doanh quốc tế

Học phần sẽ nghiên cứu tập trung vào các yếu tố chính trị, luật pháp, kinh tế và văn hóa xã hội tác động đến hoạt động kinh doanh quốc tế. Thông qua các buổi thảo luận và bài tập tình huống, học phần sẽ giúp học viên hiểu được các vấn đề quan trọng trong kinh doanh quốc tế như toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia, chiến lược phát triển kinh doanh quốc tế, các liên minh kinh tế, cơ hội và thách thức khi các doanh nghiệp hội nhập.

8.4.6. Quản trị chuỗi cung ứng

Trong bối cảnh kinh doanh hiện tại, chuỗi cung ứng được xem như là một trong những đòn bẩy giúp doanh nghiệp tăng thêm/tao ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Học phần này nhằm cung cấp cho các học viên một số những công cụ cơ bản như: xây dựng kế hoạch cung ứng; Thiết kế mạng lưới phân phối và hợp đồng cung ứng; Đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng.

8.4.7. Thị trường tài chính và định chế tài chính

Học phần này được bố trí trong học kỳ 2 của năm học thứ 1 thuộc chương trình thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần nghiên cứu các vấn đề về các thành phần của thị trường tài chính như thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu, thị trường các công cụ tài chính phái sinh; các định chế tài chính như ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, ...

8.4.8. Quản lý công nghệ

Học phần cung cấp kiến thức về quản trị công nghệ trong doanh nghiệp bao gồm các nội dung cơ bản như các lý thuyết về công nghệ, năng lực công nghệ, dự báo và hoạch định công nghệ, lựa chọn và đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, quản lý công nghệ và mô hình quản lý công nghệ.

8.4.9. Hành vi tổ chức

Môn học trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về hành vi của cá nhân, hành vi của nhóm và hành vi của tổ chức. Môn học tập trung làm rõ nhu cầu và Mức độ tự chủ và trách nhiệm của của người lao động diễn ra như thế nào khi họ tham gia hoạt động trong nhóm và trong tổ chức nhằm giúp các nhà quản lý có được những giải pháp và cách thức tác động phù hợp để tăng tính hiệu quả trong quá trình lao động.

8.4.10. Văn hóa trong kinh doanh

Văn hoá kinh doanh chính là nền tảng tinh thần, là linh hồn cho hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp. Xu thế hội nhập kinh tế của các quốc gia vào nền kinh tế thế giới ngày càng sâu, rộng thì càng gia tăng mức độ phức tạp, quyết liệt trong cạnh tranh. Để các doanh nghiệp có thể tồn tại và có những bước phát triển đột phá, vững

chắc thì nhất thiết những doanh nghiệp này phải cam kết và thúc đẩy phát triển một nền văn hoá phát triển kinh doanh.

Học phần văn hoá phát triển kinh doanh tập trung vào việc đưa ra những giải pháp để xây dựng và duy trì một loại hình văn hoá phát triển kinh doanh.

8.4.11. Quan hệ công chúng

Học phần này được thiết kế nhằm giới thiệu đến học viên tổng quan về lĩnh vực quan hệ công chúng (PR). Học phần sẽ nhấn mạnh quan hệ công chúng là một chức năng quản trị chiến lược và quá trình lập kế hoạch, phát triển, thực hiện và đánh giá hiệu quả của chương trình quan hệ công chúng. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu vai trò của quan hệ công chúng trong công tác quản trị xung đột và khủng hoảng cũng như là nội dung cơ bản của các hoạt động quan hệ công chúng.

8.4.12. Pháp luật về kinh doanh

Pháp luật về kinh doanh là môn học khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh, như các chế độ pháp lý điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản lý của chủ thể kinh doanh; Hoạt động mua bán hàng hóa; Dịch vụ trung gian thương mại; Xúc tiến thương mại; Đấu giá hàng hóa; Chế tài trong thương mại làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành tài chính ngân hàng, luật kế toán,...

8.4.13. Quản trị chiến lược

Quản trị chiến lược cung cấp cho học viên chiều sâu kiến thức về chiến lược, về lợi thế cạnh tranh, các cấp chiến lược trong một doanh nghiệp. Môn học giúp cho học viên nhận thức được rõ ràng tầm quan trọng của công tác quản trị chiến lược đối với sự thành công hay thất bại của các doanh nghiệp khi mà các doanh nghiệp hoạt động trong điều kiện khan hiếm nguồn lực, áp lực cạnh tranh cao và môi trường kinh doanh luôn biến đổi theo chiều hướng ngày càng phức tạp.

8.4.14. Quản trị nhân lực

Học phần nghiên cứu các vấn đề về quản trị nhân lực, bao gồm: Hoạch định, tuyển dụng, đào tạo, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, thực hiện đánh giá hiệu quả công việc, từ đó thực hiện chính sách đãi ngộ lao động và quan hệ lao động, cuối cùng thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực.

8.4.15. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Môn học trang bị cho học viên các vấn đề về tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp. Các vấn đề tài chính doanh nghiệp bao gồm: Quản lý tài sản, quản lý nguồn vốn, quản lý doanh thu - chi phí - lợi nhuận, phân tích tài chính doanh nghiệp. Các vấn đề quản trị tài chính bao gồm sáp nhập và hợp nhất doanh nghiệp, định giá doanh nghiệp khi sáp nhập và hợp nhất, quyết định đầu tư, quyết định quản trị tài chính doanh nghiệp trong điều kiện rủi ro.

8.4.16. Quản trị thương hiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, vấn đề thương hiệu được nhiều doanh nghiệp quan tâm. Xây dựng và phát triển thương hiệu là vấn đề sống còn của các doanh nghiệp, thương hiệu không chỉ đơn thuần là dấu hiệu để phân biệt hàng hóa và dịch vụ của một doanh nghiệp với hàng hóa, dịch vụ của đối thủ cạnh tranh như quan điểm truyền thống, mà thương hiệu là hình ảnh, uy tín của doanh nghiệp trong tâm trí của khách hàng. Tạo dựng một thương hiệu là một quá trình phấn đấu và đầu tư lâu dài của doanh nghiệp. Quản trị thương hiệu cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thương hiệu, đặc tính thương hiệu, giá trị thương hiệu, xây dựng, quảng bá và phát triển thương hiệu.

8.4.17. Kỹ năng lãnh đạo

Học phần này được thiết kế nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của các nhà quản trị trong việc phát huy tài năng và sức lực của cấp dưới hướng vào thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp. Học phần tập trung vào các phẩm chất và kỹ năng lãnh đạo hiệu quả trong doanh nghiệp.

8.4.18. Đấu thầu

Học phần đấu thầu giúp người học hiểu rõ những vấn đề chung về đấu thầu như các khái niệm, bản chất, vai trò của đấu thầu. Học viên nắm rõ các hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu, được rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch đấu thầu cho một dự án đầu tư, lập hồ sơ mời thầu, dự thầu và có năng lực đánh giá hồ sơ dự thầu, ra quyết định lựa chọn nhà thầu. Đồng thời, xây dựng ý thức và Mức độ tự chủ và trách nhiệm chuyên nghiệp, tuân thủ quy trình, quy định trong hoạt động đấu thầu.

8.4.19. Quản trị rủi ro

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản quản trị rủi ro, các phương pháp nhận dạng rủi ro, phương pháp đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro và quản trị một số loại rủi ro điển hình trong kinh doanh.

8.4.20. Lượng hóa quản trị sản xuất

Thuộc khối kiến thức chuyên ngành, học phần lượng hóa quản trị trang bị cho học viên những kiến thức lượng hóa, và mô hình hóa các vấn đề của quản trị nhằm hỗ trợ cho các hoạt động điều hành, quản trị doanh nghiệp.

8.4.21. Thương mại điện tử

Môn học giúp cho học viên ngành Quản trị kinh doanh có những kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến các hoạt động thương mại điện tử trong kinh doanh của doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập, ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ thuật số.

8.4.22. Quản trị dự án

Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng căn bản về dự án và quản trị dự án, bao gồm các vấn đề như: Lựa chọn dự án đầu tư; Thiết kế tổ chức bộ máy thực hiện

dự án; Quản trị thực hiện dự án (bao gồm việc lập kế hoạch, ước tính ngân sách, lập tiến độ dự án, phân bổ nguồn lực; quá trình giám sát, kiểm soát thực hiện dự án); Đánh giá rủi ro dự án và kết thúc dự án.

8.4.23. Tinh thần doanh nhân

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, để chiến thắng trong cuộc cạnh tranh này, các doanh nghiệp cần phải nhận thức được tầm trọng của tinh thần doanh nhân và đây chính là cội nguồn của sức mạnh doanh nghiệp. Tinh thần doanh nhân tạo ra một sự "đào thải sáng tạo" xuyên suốt các thị trường và ngành công nghiệp, tạo ra những ngành nghề kinh doanh và mô hình kinh doanh mới, đào thải những mô hình cũ và lạc hậu, kém hiệu quả. Và như thế, trong tầm dài hạn, tinh thần doanh nhân tạo ra một sự tăng trưởng kinh tế nhanh và vững chắc.

Vì vậy, học phần Tinh thần doanh nhân sẽ cung cấp những kiến thức rất hữu ích cho các nhà quản trị doanh nghiệp và những người có ý chí lập nghiệp bằng con đường kinh doanh.

8.4.24. Quản trị chất lượng

Học phần giúp người học sẽ làm chủ được kiến thức có liên quan đến chất lượng và quản trị chất lượng thông qua việc nghiên cứu lý thuyết, làm bài tập thực hành và nghiên cứu các bài tập tình huống. Nội dung học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cần có của người quản lý về quản lý chất lượng sản phẩm nói chung và dịch vụ nói riêng của doanh nghiệp.

8.4.25. Luận văn tốt nghiệp

Học phần này được bố trí trong học kỳ 2 của năm học thứ 2 thuộc chương trình thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này được thực hiện sau khi học viên đã được học xong kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên sâu ngành Quản trị kinh doanh

9. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học khác cùng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như Trường Đại học Thủy Lợi, Đại học Lao động – Xã hội và được triển khai theo Hướng dẫn số 01/HD-ĐHCN ngày 01/1/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNHN.

9.1 Đối sánh giữa các phiên bản của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Bảng 9: Bảng so sánh khối lượng các phiên bản CTĐT

TT	Phiên bản năm		2019	2021
	Khối giáo dục			
1	Khối kiến thức chung		5	5
2	Khối cơ sở ngành		13	13
3	Khối chuyên ngành		24	24
4	Thực tập/Luận văn tốt nghiệp		18	18
5	Tự chọn		17	17

Bảng 10: Bảng so sánh học phần các phiên bản CTĐT

TT	Phiên bản năm		2019	2021
	Học phần			
1.	Triết học		X	X
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học		X	
3.	Kinh tế học ứng dụng			X
4.	Lý thuyết quản trị kinh doanh			
5.	Kinh doanh quốc tế		X	
6.	Quản trị chuỗi cung ứng			X
7.	Thị trường tài chính và định chế tài chính		X	
8.	Quản lý công nghệ			X
9.	Hành vi tổ chức		X	X
10.	Văn hóa trong kinh doanh			X
11.	Quan hệ công chúng			X
12.	Pháp luật về kinh doanh.		X	
13.	Quản trị chiến lược		X	
14.	Quản trị nhân lực		X	
15.	Quản trị tài chính doanh nghiệp		X	
16.	Quản trị thương hiệu		X	X
17.	Kỹ năng lãnh đạo		X	X
18.	Đấu thầu		X	

TT	Phiên bản năm		2019	2021
	Học phần			
19.	Quản trị rủi ro			X
20.	Lượng hóa quản trị sản xuất		X	
21.	Thương mại điện tử			X
22.	Quản trị dự án		X	
23.	Tinh thần doanh nhân			X
24.	Quản trị chất lượng			X
25.	Thực tập			X
26.	Đề án/luận văn tốt nghiệp		X	X

9.2 Đối sánh về số tín chỉ và học phần với các chương trình đào tạo trong nước

Stt	Học phần	Số tín chỉ	Đơn vị đào tạo			Số trường có học phần
			(Trường Đại học Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội)	ĐH Điện lực	Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	KIẾN THỨC CHUNG					
1	Triết học	3	1	1		1
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	1	1	1	3
2	CƠ SỞ NGÀNH					
3	Kinh tế học ứng dụng	3	1	1	1	3
4	Lý thuyết quản trị kinh doanh	3		1	1	2
1.2.	CƠ SỞ NGÀNH					
5	Kinh doanh quốc tế	3	1	1	1	3
6	Quản trị chuỗi cung ứng	3		1		1
7	Thị trường tài chính và định chế tài chính	3	1	1	1	3

Stt	Học phần	Số tín chỉ	Đơn vị đào tạo			Số trường có học phần
			(Trường Đại học Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội)	ĐH Điện lực	Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	
8	Quản lý công nghệ	3				
9	Hành vi tổ chức	3	1	1	1	2
10	Văn hóa trong kinh doanh	3	1	1		2
11	Quan hệ công chúng	3			1	1
12	Pháp luật về kinh doanh.	3	1	1		2
3	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH					
13	Quản trị chiến lược	3	1	1	1	3
14	Quản trị nhân lực	3	1	1	1	3
15	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	1	1		2
16	Quản trị thương hiệu	3	1	1	1	3
17	Kỹ năng lãnh đạo	3	1	1	1	3
3	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH					
18	Đấu thầu	2	1	1		2
19	Quản trị rủi ro	2				
20	Lượng hóa quản trị sản xuất	3				0
21	Thương mại điện tử	3		1	1	2
22	Quản trị dự án	3	1	1		2
23	Tinh thần doanh nhân	3			1	1
24	Quản trị chất lượng	3	1	1	1	3
25	THỰC TẬP		1	1	1	3
26	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP		1	1	1	3
	Tổng số tín chỉ	60	64	60	63	

Kết quả cho thấy các chương trình của các Trường Đại học trong nước được so sánh cùng ngành có số tín chỉ cho nhóm kiến thức tương đương phù hợp với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong số 02 trường được đối sánh đào tạo theo định hướng ứng dụng, chương trình đào tạo ngành QTKD của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội có sự tương đồng lớn nhất với Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội. Về các học phần giảng dạy trong chương trình, chỉ có tổng số 9/25 học phần là có sự khác biệt với các chương trình còn lại. Các học phần này bao gồm: Quan hệ công chúng, Lượng hóa quản trị sản xuất và tinh thần doanh nhân. Đây cũng là những học phần phù hợp với xu hướng và bối cảnh kinh doanh hiện nay được cập nhật mới vào chương trình nhằm đảm bảo tính tương thích hơn với yêu cầu của bối cảnh mới.

9.3. Đối sánh về mức độ tương đồng của các học phần với các chương trình đào tạo trong nước và nước ngoài

Bảng 11: Đối sánh về mức độ tương đồng của các học phần với các CTĐT nước ngoài

Tên học phần	Thomas Edison State University	RMIT	The University of AUCKLAND Newzealand
Triết học			
Phương pháp nghiên cứu khoa học			x
Kinh tế học ứng dụng	c	x	
Lý thuyết quản trị kinh doanh			
Kinh doanh quốc tế		x	
Quản trị chuỗi cung ứng			c
Thị trường tài chính và định chế tài chính	c	c	
Quản lý công nghệ	x		c
Hành vi tổ chức		c	
Văn hóa trong kinh doanh			x
Quan hệ công chúng	c		x
Pháp luật về kinh doanh.		c	x
Quản trị chiến lược	c	c	x
Quản trị nhân lực	x	x	c
Quản trị tài chính doanh nghiệp	c		
Quản trị thương hiệu			x
Kỹ năng lãnh đạo	c	c	

Tên học phần	Thomas Edison State University	RMIT	The University of AUCKLAND Newzealand
Đầu thầu			c
Quản trị rủi ro		c	
Lượng hóa quản trị sản xuất		c	
Thương mại điện tử	c		
Quản trị dự án	x	c	x
Tinh thần doanh nhân	c		x
Quản trị chất lượng		c	
Đề án/luận văn tốt nghiệp			x

Ghi chú: C (Close): Học phần có nội dung gần; x: Học phần có nội dung tương thích

Thực hiện đối sánh về nội dung các học phần cho thấy hầu hết các học phần được thiết kế trong chương trình có nội dung gần hoặc tương thích với chương trình đào tạo cùng ngành của các trường đại học trong nước hoặc nước ngoài.

10. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2021

KT HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Bông

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Vũ Đình Khoa

PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

I. Các văn bản pháp lý

- Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của BGD&ĐT 2016;

- Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13;

- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Căn cứ Quyết định 41/QĐ-ĐHCN ngày 06/01/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Căn cứ Quy định kèm theo Quyết định số 351/QĐ-ĐHCN ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

II. Khung chương trình các trường đại học khác:

Khung chương trình Thạc sĩ QTKD tại Trường Đại học Công nghiệp được tham khảo từ Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Điện lực, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, RMIT, Thomas Edison State University và The University of AUCKLAND Newzealand theo các đường link dưới đây.

- Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội: <https://ueb.edu.vn/Dao-Tao/UEB/chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nganh-quan-tri-kinh-doanh-dinh-huong-ung-dung-ap-dung-tuyen-sinh-tu-nam-2022/1665/1668/1682/32640>

- Trường Đại học Điện lực: https://epu.edu.vn/Uploads/files/CTDT_ThS_QTKD.pdf

- Trường Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/chuyen-nganh-quan-tri-kinh-doanhthac-si-huong-ung-dung/>

- Trường RMIT: <https://www.rmit.edu.vn/study-at-rmit/postgraduate-programs/master-of-business-administration>

- Chương trình đào tạo thạc sĩ QTKD của Thomas Edison State University: <https://www.tesu.edu/business/mba/index>

- The University of AUCKLAND Newzealand: <https://www.auckland.ac.nz/en/study/study-options/find-a-study-option/master-of-business-administration-mba.html>

